**BẢN THUYẾT MINH CHI TIẾT**

**DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 45/2019/NĐ-CP**

*(Bản xin ý kiến và đăng tải)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nghị định số 45/2019/NĐ-CP** | **Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung** | **Thuyết minh** |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.  2. Các hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực du lịch không được quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định tại các nghị định khác của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt. | **Giữ nguyên** |  |
| **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động du lịch trên lãnh thổ Việt Nam và ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động du lịch trên lãnh thổ Việt Nam.  2. Tổ chức là đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch theo Nghị định này bao gồm:  a) Doanh nghiệp hoạt động du lịch được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam;  b) Chi nhánh, Văn phòng đại diện của doanh nghiệp hoạt động du lịch;  c) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động du lịch;  d) Văn phòng đại diện tại Việt Nam của cơ quan du lịch nước ngoài, tổ chức du lịch quốc tế và khu vực;  đ) Tổ chức xã hội - nghề nghiệp về du lịch;  e) Ban quản lý điểm du lịch, khu du lịch, đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động du lịch;  g) Nhà khách, nhà nghỉ của cơ quan nhà nước có hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch.  3. Cá nhân là đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch theo Nghị định này là các đối tượng không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này.  4. Người có thẩm quyền lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính.  5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan | **Giữ nguyên** |  |
| **Điều 2a. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính**  1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch là 01 năm. 2. Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch được quy định như sau: a) Đối với hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện quy định tại điểm a khoản 3 Điều này thì thời hiệu được tính từ thời điểm người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm; b) Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc quy định tại điểm b khoản 3 Điều này thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm; c) Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân do người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính chuyển đến thì thời hiệu xử phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều này, điểm a và điểm b khoản này tính đến thời điểm ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. 3. Hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện và hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc trong lĩnh vực du lịch a) Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch đang thực hiện là hành vi có tính chất kéo dài, đã và đang diễn ra tại thời điểm cơ quan, người có thẩm quyền phát hiện, xử lý vi phạm và hành vi đó vẫn đang trực tiếp xâm hại đến trật tự quản lý nhà nước; b) Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch đã kết thúc là hành vi được thực hiện một lần hoặc nhiều lần và có căn cứ, thông tin chứng minh hành vi đã thực hiện xong trước thời điểm cơ quan, người có thẩm quyền phát hiện, xử lý vi phạm hành chính. 4.Trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, nếu tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt của cơ quan có thẩm quyền thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt. | **Giữ nguyên** |  |
| **Điều 3. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính**  1. Các hình thức xử phạt chính  Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:  a) Cảnh cáo;  b) Phạt tiền.  2. Các hình thức xử phạt bổ sung  Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây:  a) Tước quyền sử dụng có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng: Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành; thẻ hướng dẫn viên du lịch; quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch; quyết định công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch; quyết định công nhận điểm du lịch; quyết định công nhận khu du lịch; biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch;  b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 tháng đến 06 tháng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính: Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành giả; thẻ hướng dẫn viên du lịch giả; biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch giả. | **Giữ nguyên** |  |
| **Điều 4. Các biện pháp khắc phục hậu quả**  Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt quy định tại Điều 3 Nghị định này còn có thể bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:  1. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính.  2. Buộc thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch, quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, quyết định công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, quyết định công nhận điểm du lịch, quyết định công nhận khu du lịch.  3. Buộc tháo dỡ biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.  4. Buộc nộp đủ số tiền phí, lệ phí, các khoản phải nộp theo quy định. | **Giữ nguyên** |  |
| **Điều 5. Mức phạt tiền và thẩm quyền xử phạt trong lĩnh vực du lịch**  1. Mức phạt tiền tối đa đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch đối với cá nhân là 50.000.000 đồng, đối với tổ chức là 100.000.000 đồng. | **Điều 5. Mức phạt tiền và thẩm quyền xử phạt trong lĩnh vực du lịch**  Giữ nguyên |  |
| 2. Mức phạt tiền quy định tại các điều 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và 18 Nghị định này là áp dụng đối với cá nhân.  Mức phạt tiền quy định tại Điều 7 Nghị định này là áp dụng đối với tổ chức. | 2. Mức phạt tiền quy định tại Điều 6, **điểm d khoản 9 Điều 7**, các điều 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và 18 Nghị định này là áp dụng đối với cá nhân.  **Mức phạt tiền quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 13 và 14; các điểm a, b và c khoản 9 Điều 7 Nghị định này là áp dụng đối với tổ chức.** | Do chuyển hành vi quy định tại điểm d khoản 14 (từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng) áp dụng đối với tổ chức; đưa lên thành điểm d khoản 9 Điều 7 (từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng) áp dụng đối với cá nhân. nên hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 9 Điều 7 áp dụng đối với cá nhân và quy định múc phạt tiền tại hành vi này là áp dụng đối với cá nhân bảo đảm phù hợp trên thực tế hành vi này thường xảy ra đối với cá nhân |
| 3. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân. | **Giữ nguyên** |  |
| 4. Thẩm quyền xử phạt của các chức danh quy định tại Chương III Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân. Trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt cá nhân đối với chức danh đó. | **Giữ nguyên** |  |
| **Chương II**  **HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ** | **Chương II**  **HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ** |  |
| **Điều 6. Vi phạm quy định chung về hoạt động kinh doanh du lịch**  1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không có nhân lực hoặc cơ sở vật chất để tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của khách du lịch trong phạm vi quản lý. | **Giữ nguyên** |  |
| 2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không giải quyết kịp thời kiến nghị, phản ánh của khách du lịch trong phạm vi quản lý khi nhận được kiến nghị, phản ánh. | **Giữ nguyên** |  |
| 3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Tranh giành khách du lịch hoặc nài ép khách du lịch mua hàng hóa, dịch vụ;  b) Phân biệt đối xử với khách du lịch;  c) Không thực hiện đúng chế độ báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định. | **c) Báo cáo không đúng thời hạn; báo cáo không đầy đủ nội dung hoặc báo cáo không đúng mẫu theo quy định.** | Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL quy định chế độ báo cáo thống kê trong hoạt động du lịch; Nghị định số 30/2022/NĐ-CP ngày 19/5/2022 quy định mô hình quản lý khu du lịch quốc gia.  + Phù hợp với các hành vi về thông báo, phối hợp (Điều 7, Điều 10) trong Nghị định và phù hợp với thực tiễn hành vi vi phạm thường xảy ra. |
| 4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không thông báo kịp thời cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện tai nạn hoặc rủi ro, sự cố xảy ra với khách du lịch;  b) Không giải quyết kiến nghị, phản ánh của khách du lịch trong phạm vi quản lý;  c) Thu lợi bất hợp pháp từ khách du lịch. | **Giữ nguyên** |  |
| 5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không cảnh báo nguy cơ gây nguy hiểm cho khách du lịch;  b) Không thông báo, chỉ dẫn cho khách du lịch trong trường hợp khẩn cấp. | **Giữ nguyên** |  |
| 6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cứu hộ, cứu nạn cho khách du lịch. | **Giữ nguyên** |  |
| 7. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không áp dụng biện pháp bảo đảm tính mạng, sức khỏe, tài sản của khách du lịch. | **Giữ nguyên** |  |
| 8. Hình thức xử phạt bổ sung:  Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại các khoản 5, 6 và 7 Điều này. | **Giữ nguyên** |  |
| 9. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 3, điểm c khoản 4 Điều này. | **Giữ nguyên** |  |
| **Điều 7. Vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ lữ hành**  1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi phối hợp không kịp thời với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của khách du lịch trong thời gian tham gia chương trình du lịch. | **Giữ nguyên** |  |
| 2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không hướng dẫn, cung cấp cho bên nhận đại lý lữ hành thông tin liên quan đến chương trình du lịch;  b) Không phổ biến, hướng dẫn khách du lịch tuân thủ pháp luật, quy định của nơi đến du lịch;  c) Không phổ biến, hướng dẫn khách du lịch ứng xử văn minh, tôn trọng bản sắc văn hóa, phong tục, tập quán của Việt Nam và nơi đến du lịch;  d) Hợp đồng lữ hành thiếu một trong các nội dung theo quy định;  đ) Chương trình du lịch thiếu một trong các nội dung theo quy định;  e) Hợp đồng đại lý lữ hành thiếu một trong các nội dung theo quy định. | **Giữ nguyên** |  |
| 3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không gửi hồ sơ về người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành thay thế theo quy định;  b) Không thông báo bằng văn bản về việc thay đổi người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành theo quy định;  c) Cung cấp thông tin không rõ ràng hoặc không công khai hoặc không trung thực về chương trình du lịch, dịch vụ, điểm đến du lịch cho khách du lịch hoặc đại diện khách du lịch. | **Giữ nguyên** |  |
| 4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của khách du lịch trong thời gian tham gia chương trình du lịch;  b) Không cung cấp thông tin về chương trình du lịch, dịch vụ, điểm đến du lịch cho khách du lịch hoặc đại diện khách du lịch;  c) Không công khai tên doanh nghiệp, số giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành trên biển hiệu tại trụ sở, chi nhánh, văn phòng giao dịch hoặc trong hợp đồng lữ hành hoặc trên ấn phẩm quảng cáo hoặc trong giao dịch điện tử. | **Giữ nguyên** |  |
| 5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Sử dụng hướng dẫn viên du lịch quốc tế, hướng dẫn viên du lịch nội địa không có hợp đồng lao động với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch hoặc không là hội viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hướng dẫn du lịch theo quy định;  b) Sử dụng hướng dẫn viên du lịch để hướng dẫn cho khách du lịch không đúng phạm vi hành nghề của hướng dẫn viên du lịch;  c) Sử dụng hướng dẫn viên du lịch để thực hiện chương trình du lịch mà không có hợp đồng hướng dẫn hoặc văn bản phân công hướng dẫn theo quy định;  d) Không viết hoặc không gắn tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. | **Giữ nguyên** |  |
| 6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không có biện pháp kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng của bên nhận đại lý lữ hành;  b) Không có biện pháp kiểm tra, giám sát hoạt động của hướng dẫn viên du lịch theo quy định;  c) Không tổ chức thực hiện chương trình du lịch do bên nhận đại lý lữ hành bán. | **Giữ nguyên** |  |
| 7. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không có hợp đồng lữ hành với doanh nghiệp, khách du lịch hoặc đại diện của khách du lịch theo quy định;  b) Không có hợp đồng đại lý lữ hành với đại lý lữ hành theo quy định;  c) Không có chương trình du lịch theo quy định;  d) Không thực hiện chế độ lưu giữ hồ sơ liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành;  đ) Kê khai không trung thực các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành. | **Giữ nguyên** |  |
| 8. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không sử dụng hướng dẫn viên du lịch để hướng dẫn cho khách du lịch theo hợp đồng lữ hành;  b) Thay đổi chương trình du lịch, tiêu chuẩn, dịch vụ đã ký kết mà không được sự đồng ý của khách du lịch hoặc đại diện khách du lịch;  c) Không quản lý khách du lịch theo chương trình du lịch đã thỏa thuận với khách du lịch. | **Giữ nguyên** |  |
| 9. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không mua bảo hiểm cho khách du lịch trong thời gian thực hiện chương trình du lịch theo quy định;  b) Không sử dụng dịch vụ do tổ chức, cá nhân thuộc Danh mục tổ chức, cá nhân đáp ứng đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn cho khách du lịch theo quy định;  c) Sử dụng hướng dẫn viên du lịch có hành vi cung cấp, giới thiệu cho khách du lịch các nội dung thông tin mang tính chất xuyên tạc lịch sử, văn hóa, chủ quyền quốc gia. | 9. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không mua bảo hiểm cho khách du lịch trong thời gian thực hiện chương trình du lịch theo quy định;  b) Không sử dụng dịch vụ do tổ chức, cá nhân thuộc Danh mục tổ chức, cá nhân đáp ứng đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn cho khách du lịch theo quy định;  c) Sử dụng hướng dẫn viên du lịch có hành vi cung cấp, giới thiệu cho khách du lịch các nội dung thông tin mang tính chất xuyên tạc lịch sử, văn hóa, chủ quyền quốc gia;  ***d) Hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành mà không có giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành.*** | Cá nhân thực hiện hành vi kinh doanh dịch vụ lữ hành mà không có giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành, nhung nhiều địa phương không áp dụng hành vi quy định tại điểm d khoản 14 Điều 7 để xử phạt do theo quy định tại khoản 2 Điều 5 quy định “Mức phạt tiền quy định tại Điều 7 Nghị định này là áp dụng đối với tổ chức”. Vì vậy, chuyển hành vi vi phạm từ điểm d khoản 14 thành điểm d khoản 9 Điều 7, điều chỉnh mức xử phạt tiền (từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng) áp dụng đối với tổ chức thành điểm d khoản 9 Điều 7 (từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng) và chỉnh sửa khoản 2 Điều 5 quy ước hành vi tại điểm d khaonr 9 là mức phạt tiền áp dụng đối với cá nhân. |
| 10. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Sử dụng người không có thẻ hướng dẫn viên du lịch để hướng dẫn cho khách du lịch;  b) Sử dụng người sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch giả để hướng dẫn cho khách du lịch. | **Giữ nguyên** |  |
| 11. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không thực hiện đúng quy định về ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành;  b) Không bổ sung đủ số tiền ký quỹ đã sử dụng theo quy định;  c) Sử dụng người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành không bảo đảm điều kiện theo quy định.  b) Hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành không đúng phạm vi kinh doanh dịch vụ lữ hành ghi trong giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành. | **Giữ nguyên** |  |
| 12. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không làm thủ tục đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành theo quy định; | **Giữ nguyên** |  |
| 13. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành của doanh nghiệp để hoạt động kinh doanh;  b) Sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành của doanh nghiệp khác để hoạt động kinh doanh đối với doanh nghiệp có giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành;  c) Để khách du lịch trốn ở lại nước ngoài hoặc trốn ở lại Việt Nam trái pháp luật;  d) Sử dụng người nước ngoài hoạt động hướng dẫn du lịch tại Việt Nam. | 13. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành của doanh nghiệp để hoạt động kinh doanh;  b) Sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành của doanh nghiệp khác để hoạt động kinh doanh đối với doanh nghiệp có giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành;  ***c)*** ***Thực hiện hành vi quy định tại điểm đ khoản 7 Điều 18 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình;”***  d) Sử dụng người nước ngoài hoạt động hướng dẫn du lịch tại Việt Nam. | Thực tế phát sinh hành vi vi phạm; tuy nhiên để áp dụng hành vi quy định tại điểm này để xử phạt xuất hiện một số vướng mắc, khó khăn như sau:  + Luật Du lịch không quy định những biện pháp cụ thể để quản lý đoàn khách, do vậy không có căn cứ để doanh nghiệp áp dụng. Khi hành vi xảy ra doanh nghiệp cũng đã thực hiện một số biện pháp như thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài hoặc trong nước; phối hợp cơ quan có thẩm quyền để khắc phục hậu quả,…Tuy nhiên việc quy định hành vi như điểm c khoản 13 Điều 7 Nghị định 45/2019/NĐ-CP, doanh nghiệp vẫn bị phạt tiền và áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành từ 12 đến 18 tháng. Điều này gây hậu quả nặng nề đối với doanh nghiệp. Mặt khác Điều 349 Bộ luật Hình sự cũng đã quy định *“Tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép”* ; điểm đ khoản 7 Điều 18 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình;” (*Tổ chức, môi giới, giúp sức, xúi giục, chứa chấp, che giấu, tạo điều kiện cho người khác xuất cảnh, ở lại nước ngoài, nhập cảnh, ở lại Việt Nam hoặc qua lại biên giới quốc gia trái phép*.)  Để bảo đảm xây dựng hành vi vi phạm có tính khả thi. Tổ soạn thảo đề xuất 2 phương án xin ý kiến.  **Phương án 1:** Sửa đổi hành vi quy định tại điểm c khoản 13 như dự thảo. Phương án này bảo đảm thống nhất với quy định trong hệ thống pháp luật, đồng thời bổ sung thẩm quyền đối với các chức danh có thẩm quyền xử phạt trong lĩnh vực du lịch khi có hành vi vi phạm này xảy ra.  \* **Phương án 2:** Giữ nguyên quy định tại điểm c khoản 13 Điều 7 Nghị định số 45/2019/NĐ-CP. |
| 14. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Kinh doanh dịch vụ lữ hành sau khi đã thông báo tạm ngừng hoạt động;  b) Kinh doanh dịch vụ lữ hành sau khi bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành;  c) Kinh doanh dịch vụ lữ hành sau khi bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành;  d) Hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành mà không có giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành;  đ) Sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành giả để hoạt động kinh doanh. | 14. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Kinh doanh dịch vụ lữ hành sau khi đã thông báo tạm ngừng hoạt động;  b) Kinh doanh dịch vụ lữ hành sau khi bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành;  c) Kinh doanh dịch vụ lữ hành sau khi bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành;  ***d) Hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành mà không có giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành;***  ***đ)*** Sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành giả để hoạt động kinh doanh. | - Bỏ hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 14, chuyển thành hành vi phạm quy định tại điểm d khoản 9 Điều 7 mới mức phạt áp dụng đối với cá nhân. |
| 15. Hình thức xử phạt bổ sung:  a) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 11 Điều này;  b) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành từ 12 tháng đến 18 tháng đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 12, khoản 13 Điều này;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành từ 18 tháng đến 24 tháng đối với hành vi quy định tại điểm a và điểm c khoản 14 Điều này;  d) Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 9 Điều này;  đ) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm đ khoản 14 Điều này. | d) Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại các ***điểm a, b và c khoản 9*** Điều này; | Sửa đổi, bổ sung bảo đảm chuyển hành vi từ điểm d khoản 14 lên thành điểm d khoản 9 |
| 16. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 8, điểm b khoản 12, điểm a và điểm b khoản 13, khoản 14 Điều này;  b) Buộc thu hồigiấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành đối với hành vi quy định tại điểm đ khoản 7 Điều này. | a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 8, ***điểm d khoản 9***, điểm b khoản 12, điểm a và điểm b khoản 13, khoản 14 Điều này; | Sửa điểm a, bổ sung thêm điểm d khoản 9 đối với hành vi “Hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành mà không có giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành” được chuyển từ điểm d khoản 14 lên điểm d khoản 9 để áp dung với cả cá nhân và tổ chức vi phạm. |
| **Điều 8. Vi phạm quy định về kinh doanh đại lý lữ hành**  1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi treo biển đại lý lữ hành ở vị trí khó nhận biết tại trụ sở đại lý. | ***Giữ nguyên*** |  |
| 2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi hợp đồng đại lý lữ hành thiếu một trong các nội dung theo quy định. | ***Giữ nguyên*** |  |
| 3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không thông báo cho cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh thời điểm bắt đầu hoạt động kinh doanh hoặc địa điểm kinh doanh hoặc thông tin về doanh nghiệp giao đại lý lữ hành;  b) Cung cấp thông tin không rõ ràng hoặc không công khai hoặc không trung thực về số lượng hoặc giá cả các dịch vụ du lịch của bên giao đại lý lữ hành cho khách du lịch. | ***Giữ nguyên*** |  |
| 4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không treo biển đại lý lữ hành. | ***Giữ nguyên*** |  |
| 5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không cung cấp thông tin về số lượng hoặc giá cả các dịch vụ du lịch của bên giao đại lý lữ hành cho khách du lịch;  b) Bán chương trình du lịch không đúng nội dung trong hợp đồng đại lý lữ hành. |  |  |
| 6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không lập và lưu giữ hồ sơ về chương trình du lịch đã bán cho khách du lịch theo quy định;  b) Không có hợp đồng đại lý lữ hành với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành theo quy định. | ***Giữ nguyên*** |  |
| 7. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký kinh doanh đại lý lữ hành tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định. | ***Giữ nguyên*** |  |
| 8. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức thực hiện chương trình du lịch của bên giao đại lý lữ hành đối với doanh nghiệp có giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành. | ***Giữ nguyên*** |  |
| 9. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi nhận bán chương trình du lịch của đại lý lữ hành cho bên giao đại lý không bảo đảm điều kiện theo quy định. | ***Giữ nguyên*** |  |
| 10. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 5, các khoản 7, 8 và 9 Điều này. | ***Giữ nguyên*** |  |
| **Điều 9. Vi phạm quy định về hướng dẫn du lịch**  1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không đeo thẻ hướng dẫn viên du lịch trong khi hành nghề hướng dẫn du lịch. | ***Giữ nguyên*** |  |
| 2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không xuất trình được phân công nhiệm vụ của doanh nghiệp tổ chức chương trình du lịch theo quy định trong khi hành nghề;  b) Không xuất trình được chương trình du lịch theo quy định trong khi hành nghề. | **Giữ nguyên** |  |
| 3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không hướng dẫn khách du lịch tuân thủ pháp luật Việt Nam, pháp luật nơi đến du lịch, nội quy nơi đến tham quan, phong tục, tập quán của địa phương nơi đến du lịch;  b) Cung cấp thông tin cho khách du lịch không rõ ràng hoặc không công khai hoặc không trung thực về chương trình du lịch, dịch vụ, các quyền, lợi ích hợp pháp của khách du lịch. | **Giữ nguyên** |  |
| 4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không thực hiện nội quy, quy định của khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch khi hành nghề;  b) Không tôn trọng phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa địa phương nơi đến tham quan khi hành nghề;  c) Có thái độ thiếu văn minh đối với khách du lịch khi hành nghề;  d) Không cung cấp thông tin cho khách du lịch về chương trình du lịch, dịch vụ và các quyền, lợi ích hợp pháp của khách du lịch. | **Giữ nguyên** |  |
| 5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không hướng dẫn khách du lịch theo phân công nhiệm vụ được giao hoặc theo hợp đồng hướng dẫn;  b) Không hướng dẫn khách du lịch theo đúng chương trình du lịch;  c) Không báo cáo người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành quyết định thay đổi chương trình du lịch trong trường hợp khách du lịch có yêu cầu;  d) Không có hợp đồng lao động với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch hoặc không là hội viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định khi hành nghề đối với hướng dẫn viên du lịch quốc tế và hướng dẫn viên du lịch nội địa;  đ) Không có hợp đồng hướng dẫn với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành hoặc không có văn bản phân công hướng dẫn theo chương trình du lịch theo quy định;  e) Không có phân công của tổ chức, cá nhân quản lý khu du lịch, điểm du lịch đối với hướng dẫn viên du lịch tại điểm. | **Giữ nguyên** |  |
| 6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Kê khai không trung thực hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch;  b) Thuê, cho thuê, mượn, cho mượn thẻ hướng dẫn viên du lịch;  c) Hoạt động hướng dẫn du lịch không đúng phạm vi hành nghề của hướng dẫn viên du lịch theo quy định. | **Giữ nguyên** |  |
| 7. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không có thẻ hướng dẫn viên du lịch khi hành nghề;  b) Sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch giả để hành nghề hướng dẫn. | **Giữ nguyên** |  |
| 8. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp, giới thiệu cho khách du lịch các nội dung thông tin mang tính chất xuyên tạc lịch sử, văn hóa, chủ quyền quốc gia. | **Giữ nguyên** |  |
| 9. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động hướng dẫn du lịch tại Việt Nam của người nước ngoài. | **Giữ nguyên** |  |
| 10. Hình thức xử phạt bổ sung:  a) Tước quyền sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch trong thời hạn từ 01 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại điểm b và điểm c khoản 6 Điều này;  b) Tước quyền sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch trong thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 8 Điều này;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 7 Điều này. | 10. Hình thức xử phạt bổ sung:  a) Tước quyền sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch trong thời hạn từ 01 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại điểm b và điểm c khoản 6 Điều này; | Bỏ hình thức tước quyền sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 6 vì:  + là một trong các hành vi bị thu hồi thẻ hướng dẫn viên du lịch (Điểm b khoản 1 Điều 64 Luật Du lịch).  + Phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP. |
| 11. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại điểm b và điểm c khoản 6 và khoản 7 Điều này;  b) Buộc thu hồi thẻ hướng dẫn viên du lịch đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 6 Điều này. |  |  |
| **Điều 10. Vi phạm quy định chung về kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch**  1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Thông báo không đầy đủ các nội dung tới cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh nơi có cơ sở lưu trú du lịch trước khi đi vào hoạt động theo quy định;  b) Thông báo hoạt động không đúng thời hạn theo quy định;  c) Không niêm yết công khai giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định. | **Giữ nguyên** |  |
| 2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không thông báo trước khi đi vào hoạt động theo quy định;  b) Không thông báo về việc thay đổi tên cơ sở lưu trú du lịch theo quy định;  c) Không thông báo về việc thay đổi quy mô cơ sở lưu trú du lịch theo quy định;  d) Không thông báo về việc thay đổi địa chỉ cơ sở lưu trú du lịch theo quy định;  đ) Không thông báo về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của cơ sở lưu trú du lịch theo quy định. | **Giữ nguyên** |  |
| 3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không niêm yết công khai nội quy của cơ sở lưu trú du lịch theo quy định. | **Giữ nguyên** |  |
| 4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi bán không đúng giá niêm yết hàng hóa, dịch vụ trong cơ sở lưu trú du lịch. | **Giữ nguyên** |  |
| 5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp theo hợp đồng đã giao kết với khách du lịch. | **Giữ nguyên** |  |
| 6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch sau khi đã thông báo tạm dừng hoặc chấm dứt hoạt động;  b) Hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch sau khi bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hoạt động kinh doanh. | **Giữ nguyên** |  |
| 7. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 49 của Luật Du lịch. | 7. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch quy định tại điểm a ***hoặc*** điểm b khoản 1 Điều 49 của Luật Du lịch. | **-** Chỉnh sửa hành vi vi phạm thay từ **“và” bằng từ “hoặc”** để phù hợp với quy định tại Điều 49 Luật Du lịch và đúng với tính chất của hành vi vi phạm. |
| 8. Quy định từ khoản 1 đến khoản 7 Điều này cũng được áp dụng đối với nhà khách, nhà nghỉ của cơ quan nhà nước có hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch. | **Giữ nguyên** |  |
| 9. Hình thức xử phạt bổ sung:  Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 7 Điều này. | **Giữ nguyên** |  |
| 10. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại các khoản 4, 5, 6 và 7 Điều này. | **Giữ nguyên** |  |
| **Điều 11. Vi phạm quy định về điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ lưu trú du lịch**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không thông báo về việc bổ sung, hoàn thiện đáp ứng điều kiện tối thiểu hoặc thay đổi loại hình cơ sở lưu trú du lịch theo quy định;  b) Không có giường hoặc đệm hoặc chiếu hoặc chăn hoặc gối theo quy định;  c) Không có khăn mặt hoặc khăn tắm theo quy định;  d) Không thay bọc đệm hoặc chiếu hoặc bọc chăn hoặc bọc gối khi có khách mới;  đ) Không thay khăn mặt hoặc khăn tắm khi có khách mới. | **Giữ nguyên** |  |
| 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không có tủ thuốc cấp cứu ban đầu đối với bãi cắm trại du lịch theo quy định. | **Giữ nguyên** |  |
| 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không có tối thiểu 10 buồng ngủ đối với khách sạn hoặc không có phòng ngủ đối với biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch, nhà nghỉ du lịch hoặc không có khu vực lưu trú cho khách đối với nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê hoặc không có khu vực dựng lều, trại đối với bãi cắm trại du lịch;  b) Không có quầy lễ tân đối với khách sạn hoặc khu vực tiếp khách đối với biệt thự du lịch, căn hộ du lịch hoặc khu vực đón tiếp khách đối với tàu thủy lưu trú du lịch, nhà nghỉ du lịch, bãi cắm trại du lịch theo quy định;  c) Không có nơi để xe cho khách đối với khách sạn nghỉ dưỡng hoặc khách sạn bên đường theo quy định;  d) Không có bếp hoặc phòng ăn hoặc dịch vụ phục vụ ăn uống đối với khách sạn nghỉ dưỡng, khách sạn nổi, khách sạn bên đường, tàu thủy lưu trú du lịch; không có bếp đối với biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê theo quy định;  đ) Không có nhân viên trực 24 giờ mỗi ngày đối với khách sạn, biệt thự du lịch, nhà nghỉ du lịch; không có nhân viên bảo vệ trực khi có khách đối với bãi cắm trại du lịch theo quy định. | **Giữ nguyên** |  |
| 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm nhà vệ sinh theo quy định. | **Giữ nguyên** |  |
| 5. Các quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này cũng được áp dụng đối với nhà khách, nhà nghỉ của cơ quan nhà nước có hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch. | **Giữ nguyên** |  |
| 6. Hình thức xử phạt bổ sung:  Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại điểm a và điểm d khoản 3 và khoản 4 Điều này. | **Giữ nguyên** |  |
| **Điều 12. Vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch đối với cơ sở lưu trú đã được công nhận hạng**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy định về mẫu biển công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch. | **Giữ nguyên** |  |
| 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi gắn biển công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch không ở khu vực cửa chính của cơ sở lưu trú du lịch. | **Giữ nguyên** |  |
| 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không gắn biển công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch sau khi được xếp hạng;  b) Không bảo đảm số lượng hoặc diện tích buồng ngủ theo tiêu chuẩn tương ứng với từng loại, hạng cơ sở lưu trú du lịch theo quy định;  c) Không bảo đảm tiêu chuẩn về nơi để xe và giao thông nội bộ hoặc khu vực sảnh đón tiếp theo quy định;  d) Không bảo đảm số lượng hoặc tiêu chuẩn nhà hàng, quầy bar theo quy định;  đ) Không bảo đảm tiêu chuẩn khu vực bếp theo quy định;  e) Không bảo đảm số lượng hoặc tiêu chuẩn phòng hội nghị, hội thảo, phòng họp theo quy định;  g) Không bảo đảm tiêu chuẩn trang thiết bị, tiện nghi khác theo quy định;  h) Không bảo đảm tiêu chuẩn về dịch vụ theo quy định;  i) Không bảo đảm tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ của người quản lý hoặc nhân viên phục vụ theo quy định. | **Giữ nguyên** |  |
| 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không trung thực hồ sơ đăng ký công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch. | **Giữ nguyên** |  |
| 5. Hình thức xử phạt bổ sung:  Tước quyền sử dụng quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 3 Điều này. | ~~5. Hình thức xử phạt bổ sung:~~  ~~Tước quyền sử dụng quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch~~ *~~từ 03 tháng đến 06 tháng~~* ~~đối với hành vi quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 3 Điều này~~. | Bỏ quy định tại khoản 5 vì:  - Các hành vi quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 3 Điều 12 thuộc trường hợp thu hồi quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch quy định tại Điều 52 Luật Du lịch.  - Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP. |
| 6. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc thu hồi quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này. | 6. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc thu hồi quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này. | - Chỉnh sửa thứ tự các khoản cho phù hợp. |
| **Điều 13. Vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ du lịch khác**  1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không niêm yết công khai giá bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định. | **Giữ nguyên** |  |
| 2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy định về mẫu biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. | **Giữ nguyên** |  |
| 3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không thông tin rõ ràng về nguồn gốc, chất lượng hàng hóa;  b) (***được bãi bỏ)***  c) Không có thực đơn theo quy định;  d) Không có nội quy, quy trình theo quy định. | **Giữ nguyên** |  |
| 4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không có nơi đón tiếp hoặc nơi gửi đồ dùng cá nhân theo quy định;  b) Không có phòng tắm cho khách theo quy định;  c) Không có dịch vụ cho thuê dụng cụ tập luyện, thi đấu phù hợp với từng môn thể thao theo quy định;  d) Không bảo đảm tiêu chuẩn nhân viên theo quy định;  đ) Không bảo đảm khu vực phòng ăn hoặc dụng cụ phục vụ ăn uống theo quy định;  e) Không bảo đảm khu vực bếp theo quy định;  g) Không có nhân viên y tế hoặc kỹ thuật viên hoặc nhân viên phục vụ phù hợp với từng dịch vụ chăm sóc sức khỏe theo quy định;  h) Không bán đúng giá niêm yết. | **Giữ nguyên** |  |
| 5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không bảo đảm nhà vệ sinh theo quy định;  b) Kê khai không trung thực hồ sơ đăng ký công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. | **Giữ nguyên** |  |
| 6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi treo biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch khi chưa được cơ quan có thẩm quyền công nhận. | **Giữ nguyên** |  |
| 7. Vi phạm quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện, nhân viên chuyên môn trong cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao, cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí, cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe thì bị xử phạt theo quy định của pháp luật chuyên ngành. | **Giữ nguyên** |  |
| 8. Hình thức xử phạt bổ sung:  Tước quyền sử dụng quyết định công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch từ 01 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 4 và điểm a khoản 5 Điều này. | **Giữ nguyên** |  |
| 9. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc tháo dỡ biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đối với hành vi quy định tại khoản 6 Điều này;  b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại điểm h khoản 4 và khoản 6 Điều này;  c) Buộc thu hồi quyết định công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 5 Điều này. | **Giữ nguyên** |  |
| **Điều 14. Vi phạm quy định về nghĩa vụ của khách du lịch**  1. Cảnh cáo đối với hành vi không thực hiện đúng thông báo nộp tiền phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác của cơ quan có thẩm quyền. | **Giữ nguyên** |  |
| 2. Phạt tiền từ 1 đến 3 lần số tiền phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác theo quy định đối với hành vi trốn nộp phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác. Mức phạt tối đa là 50.000.000 đồng. | **Giữ nguyên** |  |
| 3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện nội quy, quy định của khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch. | **Giữ nguyên** |  |
| 4. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không ứng xử văn minh hoặc không tôn trọng phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa địa phương nơi đến du lịch. | **Giữ nguyên** |  |
| 5. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi gây phương hại đến hình ảnh quốc gia, truyền thống văn hóa dân tộc của Việt Nam. | **Giữ nguyên** |  |
| 6. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc nộp đủ số tiền phí, lệ phí, các khoản phải nộp đối với hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. | **Giữ nguyên** |  |
| **Điều 15. Vi phạm quy định về kinh doanh sản phẩm du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo trước khi bắt đầu kinh doanh sản phẩm du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch theo quy định. | **Giữ nguyên** |  |
| 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không cảnh báo, chỉ dẫn về điều kiện khí hậu, thời tiết, sức khỏe và các yếu tố liên quan khi cung cấp các sản phẩm du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch. | **Giữ nguyên** |  |
| 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không có phương án cứu hộ, cứu nạn theo quy định. | **Giữ nguyên** |  |
| 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không phổ biến các quy định về bảo vệ an toàn cho khách du lịch;  b) Không hướng dẫn các thao tác kỹ thuật cho khách du lịch trước khi cung cấp sản phẩm du lịch. | **Giữ nguyên** |  |
| 5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không duy trì, bảo đảm thông tin liên lạc với khách du lịch trong suốt thời gian cung cấp sản phẩm du lịch;  b) Không bố trí, sử dụng huấn luyện viên hoặc kỹ thuật viên hoặc hướng dẫn viên có chuyên môn phù hợp theo quy định;  c) Không cung cấp, hướng dẫn sử dụng và giám sát việc sử dụng trang thiết bị, dụng cụ hỗ trợ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn, bảo đảm an toàn cho khách du lịch. | **Giữ nguyên** |  |
| 6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không bố trí lực lượng cứu hộ khách du lịch theo quy định. | **Giữ nguyên** |  |
| 7. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không can thiệp, xử lý, ứng cứu kịp thời các sự cố, tai nạn, rủi ro xảy ra. | **Giữ nguyên** |  |
| 8. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tiếp tục kinh doanh sau khi cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh yêu cầu hoàn thiện, bổ sung các biện pháp bảo đảm an toàn nhưng chưa thực hiện theo quy định. | **Giữ nguyên** |  |
| 9. Hình thức xử phạt bổ sung:  a) Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này;  b) Đình chỉ hoạt động từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại các khoản 5, 6 và 7 Điều này. | **Giữ nguyên** |  |
| 10. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định định tại khoản 8 Điều này. | **Giữ nguyên** |  |
| **Điều 16. Vi phạm quy định về quản lý điểm du lịch, khu du lịch**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không công khai số điện thoại, địa chỉ của tổ chức, cá nhân quản lý điểm du lịch hoặc khu du lịch. | **Giữ nguyên** |  |
| 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không có biển chỉ dẫn, thuyết minh hoặc biển báo về giao thông, các cơ sở dịch vụ, các điểm tham quan theo quy định;  b) Không có nội quy theo quy định. | **Giữ nguyên** |  |
| 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không có bộ phận thông tin hỗ trợ khách du lịch theo quy định;  b) Không có bộ phận bảo vệ trực 24 giờ mỗi ngày;  c) Không có bộ phận cứu hộ, cứu nạn theo quy định;  d) Không cung cấp dịch vụ thuyết minh, hướng dẫn du lịch theo quy định;  đ) Không có biện pháp quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch trong phạm vi quản lý theo quy định;  e) Không bố trí nhân lực làm vệ sinh môi trường theo quy định. | **Giữ nguyên** |  |
| 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không có kết nối giao thông, thông tin liên lạc theo quy định;  b) Không có hệ thống điện theo quy định;  c) Không có hệ thống cung cấp nước sạch theo quy định;  d) Không có dịch vụ ăn uống hoặc cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch theo quy định;  đ) Không có dịch vụ mua sắm hoặc cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch theo quy định;  e) Không có hệ thống cơ sở lưu trú du lịch theo quy định;  g) Không bảo đảm nhà vệ sinh công cộng theo quy định;  h) Không có đủ phương tiện, thiết bị thu gom chất thải đáp ứng yêu cầu giữ gìn vệ sinh môi trường theo quy định;  i) Không thu gom, xử lý chất thải phát sinh trong hoạt động du lịch theo quy định;  k) Không có các biện pháp phòng, chống cháy nổ theo quy định;  l) Kê khai không trung thực hồ sơ đề nghị công nhận điểm du lịch hoặc khu du lịch. | **Giữ nguyên** |  |
| 5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Sử dụng các biện pháp cản trở việc tham quan của khách du lịch ở những nơi được phép vào tham quan theo quy định;  b) Không phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về du lịch có thẩm quyền trong việc bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch theo quy định. | **Giữ nguyên** |  |
| 6. Hình thức xử phạt bổ sung:  a) Tước quyền sử dụng quyết định công nhận điểm du lịch hoặc khu du lịch từ 01 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 4 Điều này;  b) Tước quyền sử dụng quyết định công nhận điểm du lịch hoặc khu du lịch từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 5 Điều này;  c) Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại điểm h khoản 4 Điều này;  d) Đình chỉ hoạt động từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại điểm i và điểm k khoản 4 Điều này. |  |  |
| 7. Biện pháp khắc phục hậu quả:  Buộc thu hồi quyết định công nhận điểm du lịch hoặc khu du lịch đối với hành vi quy định tại điểm l khoản 4 Điều này. | **Giữ nguyên** |  |
| **Điều 17. Vi phạm quy định về vận tải khách du lịch bằng đường bộ**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Vận tải khách du lịch không theo hợp đồng với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành hoặc với khách du lịch theo hành trình, tuyến đường phù hợp;  b) Không có hợp đồng vận tải khách du lịch theo quy định;  c) Không xuất trình được danh sách khách du lịch theo quy định. | **Giữ nguyên** |  |
| 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không gắn biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch theo quy định. | **Giữ nguyên** |  |
| 3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không có thùng chứa đồ uống đối với xe ô tô vận tải khách du lịch;  b) Không có dụng cụ y tế sơ cấp cứu, túi thuốc dự phòng đối với xe ô tô vận tải khách du lịch;  c) Không có rèm cửa chống nắng đối với xe ô tô vận tải khách du lịch từ 09 chỗ trở lên;  d) Không có thùng đựng rác đối với xe ô tô vận tải khách du lịch từ 09 chỗ trở lên;  đ) Không có micro đối với xe ô tô vận tải khách du lịch từ 24 chỗ trở lên (trừ ô tô chuyên dụng caravan);  e) Không có vị trí dành cho người cao tuổi, người khuyết tật theo quy định đối với xe ô tô vận tải khách du lịch từ 24 chỗ trở lên (trừ ô tô chuyên dụng caravan). | **Giữ nguyên** |  |
| 4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Sử dụng nhân viên phục vụ khách du lịch không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định;  b) Sử dụng người điều khiển phương tiện vận tải khách du lịch không đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định. | **Giữ nguyên** |  |
| 5. Hình thức xử phạt bổ sung:  Tước quyền sử dụng biển hiệu vận tải khách du lịch trong thời gian từ 01 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này. | **Giữ nguyên** |  |
| **Điều 18. Vi phạm quy định về vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi vận tải khách du lịch không theo hợp đồng với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành hoặc với khách du lịch theo hành trình, tuyến đường du lịch. | **Giữ nguyên** |  |
| 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không gắn biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch theo quy định. | **Giữ nguyên** |  |
| 3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không có hợp đồng vận tải khách du lịch theo quy định.  b) Không trang bị đủ số lượng áo phao cho khách du lịch trên phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa theo quy định;  c) Không có bảng hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị cứu sinh, cứu đắm và số điện thoại, địa chỉ các cơ quan tìm kiếm cứu nạn để tại vị trí ghế ngồi của khách du lịch đối với phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa;  d) Không có biểu đồ hành trình tuyến du lịch đối với phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa;  đ) Không có thùng chứa đồ uống đối với phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa;  e) Không có thùng đựng rác đối với phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa;  g) Không có dụng cụ chống nắng đối với phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa từ 20 ghế ngồi trở lên;  h) Không có micro đối với phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa từ 20 ghế ngồi trở lên;  i) Không đảm bảo yêu cầu của khu vực phục vụ dịch vụ ăn uống, khu chế biến (nếu có) theo quy định đối với phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa từ 20 ghế ngồi trở lên;  k) Không có mái che đối với phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa từ 50 ghế ngồi trở lên;  l) Không có rèm cửa chống nắng đối với phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa từ 50 ghế ngồi trở lên;  m) Không có phòng vệ sinh đối với phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa từ 50 ghế ngồi trở lên. | **Giữ nguyên** |  |
| 4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Sử dụng nhân viên phục vụ khách du lịch không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định;  b) Sử dụng người điều khiển phương tiện vận tải khách du lịch và thuyền viên không bảo đảm theo quy định. | **Giữ nguyên** |  |
| 5. Hình thức xử phạt bổ sung:  a) Tước quyền sử dụng biển hiệu vận tải khách du lịch trong thời gian từ 01 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này;  b) Đình chỉnh hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại điểm b và điểm m khoản 3 Điều này. | **Giữ nguyên** |  |
| **CHƯƠNG III**  **THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH** | **CHƯƠNG III**  **THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH** |  |
| **Điều 19. Thẩm quyền của Thanh tra**  1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 1.000.000 đồng. | **Điều 19. Thẩm quyền của Thanh tra**  1. Thanh tra viên Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Namcó quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng. | Sửa đổi, bổ sung theo Điều 7 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.  (Xin ý kiến Các Bộ CA, QP có bổ sung 2 lực lượng này có thẩm quyền xử phạt không?) |
| 2. Chánh Thanh tra sở, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này. | ~~2. Chánh Thanh tra sở, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở có quyền:~~  ~~a) Phạt cảnh cáo;~~  ~~b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;~~  ~~c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;~~  ~~d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng;~~  ~~đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.~~ | Không còn chức danh Thanh tra sở, chuyên ngành cấp sở. |
| 3. Trưởng Đoàn thanh tra chuyên ngành cấp bộ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 70.000.000 đồng;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này. | 2. Trưởng đoàn thanh tra của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng.  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này. |  |
| 4. Chánh Thanh tra bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này. | 3. Chánh Thanh tra Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến mức 40.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này. |  |
| **Điều 20. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân**  1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng.  2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.  3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này. | **Điều 20. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân**  1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.  2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh) có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.” | Sửa đổi, bổ sung theo Điều 5 Nghị định 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025  Không còn chính quyền địa phương cấp huyện |
| **Điều 21. Thẩm quyền của Quản lý thị trường**  1. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường, Trưởng phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường có quyền:  a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;  b) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.  2. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Tổng cục Quản lý thị trường có quyền:  a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.  3. Tổng cục trưởng Tổng Cục Quản lý thị trường có quyền:  a) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.” | **Điều 21. Thẩm quyền của Quản lý thị trường**  1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng.  2. Đội trưởng Đội quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 30.000.000 đồng;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.  3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường, Trưởng phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;  b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.  4. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này. | Sửa đổi, bổ sung theo Điều 12 Nghị định 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 |
| **Điều 22. Thẩm quyền xử phạt của Bộ đội biên phòng**  1. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.  2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.  3. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng.  4. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 4 Nghị định này.  5. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.  6. Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh; Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này. | **Điều 22. Thẩm quyền xử phạt của Bộ đội biên phòng**  1. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng**;**  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 5.000.000 đồng.  2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng**;**  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng.  3. Đội trưởng Đội đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 7.500.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 15.000.000 đồng.  4. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 30.000.000 đồng;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.  5. Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.  6. Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng; Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng, Cục trưởng Cục Phòng chống ma túy và tội phạm thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.” | Sửa đổi, bổ sung theo Điều 9 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 |
| **Điều 23. Thẩm quyền của Cảnh sát biển**  1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 1.000.000 đồng.  2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.  3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng trạm Cảnh sát biển có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng.  4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 4 Nghị định này.  5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 30.000.000 đồng;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 4 Nghị định này.  6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 4 Nghị định này.  7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 4 Nghị định này. | **Điều 23. Thẩm quyền của Cảnh sát biển**  1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 5.000.000 đồng.  2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng.  3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng trạm Cảnh sát biển có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng.  4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 30.000.000 đồng;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.  5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển; Đoàn trưởng Đoàn trinh sát, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.  6. Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.  7. Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.” | Sửa đổi, bổ sung theo Điều 10 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 |
| **Điều 24. Thẩm quyền của Công an nhân dân**  1. Chiến sỹ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 500.000 đồng. | **Điều 24. Thẩm quyền của Công an nhân dân**  1. Chiến sỹ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng.  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng.  2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng.  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng.  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 4 Nghị định này. | Sửa đổi, bổ sung theo Điều 8 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025  Xin ý kiến Bộ Công an |
| 2. Thủ trưởng đơn vị cảnh sát cơ động cấp đại đội, Trưởng trạm, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng. |  |
| 3. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trưởng Trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất, Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn cảnh sát cơ động, Thủy đội trưởng có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 5.000.000 đồng. | 3. Trưởng đồn Công an, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp tiểu đoàn, Thủy đội trưởng, Trưởng trạm, Đội trưởng có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 30.000.000 đồng.  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 4 Nghị định này. |  |
| 4. Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng cảnh sát giao thông đường bộ, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh đối ngoại, Trung đoàn trưởng Trung đoàn Cảnh sát cơ động, Thủy đoàn trưởng có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 4 Nghị định này. | 4. Trưởng Công an cấp xã có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này. |  |
| 5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này. | 5. Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh nội địa gồm: Trưởng phòng Tham mưu tổng hợp, Trưởng phòng An ninh Công giáo, Trưởng phòng An ninh tôn giáo khác, Trưởng phòng An ninh dân tộc, Trưởng phòng Chống phản động, Trưởng phòng Chống khủng bố, Trưởng phòng An ninh xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ gồm: Trưởng phòng Bảo vệ nội bộ các cơ quan Đảng, Nhà nước Trung ương, Trưởng phòng An ninh các cơ quan tư pháp, xây dựng pháp luật, tổ chức chính trị - xã hội Trung ương, Trưởng phòng An ninh báo chí, xuất bản, Trưởng phòng An ninh y tế, giáo dục, Trưởng phòng An ninh văn hóa, thể thao và lao động xã hội, Trưởng phòng An ninh bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin, Trưởng phòng Quản lý nhà nước về bảo vệ bí mật Nhà nước; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh kinh tế gồm: Trưởng phòng An ninh công thương, Trưởng phòng An ninh tiền tệ, Trưởng phòng An ninh giao thông, xây dựng, Trưởng phòng An ninh tài chính, đầu tư, Trưởng phòng An ninh nông, lâm, ngư nghiệp, Trưởng phòng An ninh khoa học, công nghệ và tài nguyên, môi trường; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy gồm: Trưởng phòng Phòng ngừa, điều tra tội phạm lĩnh vực mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, Trưởng phòng Phòng ngừa, điều tra tội phạm lĩnh vực tổ chức, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy, Trưởng phòng Phòng ngừa, điều tra tội phạm lĩnh vực sản xuất trái phép chất ma túy, Trưởng phòng Phòng ngừa, điều tra tội phạm trong các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo, Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu, Giám đốc Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn tuyên truyền, điều tra, giải quyết tai nạn giao thông, Trưởng phòng Hướng dẫn, đăng ký và kiểm định phương tiện, Trưởng phòng Hướng dẫn, đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông, Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát giao thông đường bộ, đường sắt, Trưởng phòng Hướng dẫn điều khiển giao thông và dẫn đoàn, Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát và đấu tranh phòng, chống tội phạm trên đường thủy nội địa, Thủy đoàn trưởng; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gồm: Trưởng phòng Công tác phòng cháy, Trưởng phòng Thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy, Trưởng phòng Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng Quản lý khoa học - công nghệ và kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao gồm: Trưởng phòng Phòng, chống tội phạm sử dụng không gian mạng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, Trưởng phòng Phòng, chống tội phạm sử dụng không gian mạng xâm phạm trật tự xã hội, Trưởng phòng An ninh thông tin mạng, Trưởng phòng Bảo vệ an ninh hệ thống mạng thông tin quốc gia, Trưởng phòng Giám sát thông tin mạng và phòng, chống hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh gồm: Trưởng phòng Quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài, Trưởng phòng Quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Giám đốc Trung tâm An ninh hàng không quốc gia; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia gồm: Trưởng phòng Tham mưu tổng hợp, Trưởng phòng Quản trị ứng dụng, Trưởng phòng Quản trị dữ liệu, Trưởng phòng An ninh, an toàn hệ thống, Trưởng phòng Quản trị, vận hành hệ thống công nghệ thông tin, Trưởng phòng Quản trị, vận hành vỏ trạm trung tâm dữ liệu; Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp trung đoàn; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng An ninh nội địa, Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh đối ngoại, Trưởng phòng quản lý xuất nhập cảnh, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 40.000.000đ;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này. |  |
| 6. Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục An ninh nội địa, Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này. | 6. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng hình thức xử phạt trục xuất  e) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này. |  |
|  | 7. Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Chánh văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Cục trưởng Cục An ninh nội địa, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng, Tư lệnh Cảnh sát cơ động, Giám đốc Trung tâm dữ liệu quốc gia có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này. |  |
|  | **Điều 24a. Thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo chuyên ngành, lĩnh vực**  1) Thủ trưởng cơ quan quản lý đường bộ khu vực thuộc Cục Đường bộ Việt Nam; Chi cục trưởng Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Bắc; Chi cục trưởng Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Nam có quyền:  a) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;  b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  c) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.  2) Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Du lịch, Sở Công Thương, Trưởng đoàn kiểm tra do Thủ trưởng tổ chức thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.  3) Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam; Cục trưởng Cục Môi trường; Cục trưởng Cục Quản lý lao động ngoài nước; Chánh Văn phòng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến mức 50.000.000 đồng;  c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;  d) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính;  đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này | Sửa đổi, bổ sung theo Điều 6 của Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 |
| **Điều 25. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch**  1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Điều 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và 18 theo thẩm quyền quy định tại Điều 20 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.  2. Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Thanh tra chuyên ngành có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 19 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, cụ thể như sau:  a) Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Điều 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và 18 Chương II Nghị định này;  b) Thanh tra Giao thông vận tải có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 17 và Điều 18 Nghị định này tại các điểm dừng xe, đỗ xe trên đường bộ, bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, trạm kiểm tra trọng tải xe, trạm thu phí, cơ sở kinh doanh vận tải đường bộ, khi phương tiện (có hành vi vi phạm) dừng, đỗ trên đường bộ;  c) Thanh tra Lao động - Thương binh và Xã hội có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 5, điểm d khoản 13 Điều 7; hành vi không có hợp đồng lao động với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch quy định tại điểm d khoản 5, khoản 9 Điều 9 Nghị định này;  d) Thanh tra Tài nguyên - Môi trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 4 Điều 11; điểm a khoản 5 Điều 13; điểm e khoản 3, các điểm g, h và i khoản 4; điểm b khoản 5 Điều 16 Nghị định này;  đ) Thanh tra Tài chính có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 10; khoản 1, điểm h khoản 4 Điều 13; khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Nghị định này.  3. Người có thẩm quyền xử phạt của Quản lý thị trường có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 3, điểm c khoản 4 Điều 6; điểm c khoản 4, điểm d khoản 5, điểm b khoản 12, điểm a và điểm b khoản 13 và khoản 14 Điều 7; khoản 4 và khoản 7 Điều 8; điểm c khoản 1, các khoản 4, 6 và 7 Điều 10; khoản 1, điểm a khoản 3, điểm h khoản 4 Điều 13 theo thẩm quyền quy định tại Điều 21 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.  4. Người có thẩm quyền xử phạt của Bộ đội biên phòng có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 5, 6 và 7 Điều 6; khoản 4 Điều 7; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5, điểm b và c khoản 6, các khoản 7, 8 và 9 Điều 9; Điều 14; các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 15; Điều 17 theo thẩm quyền quy định tại Điều 22 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.  5. Người có thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 5, 6 và 7 Điều 6; khoản 4 Điều 7; Điều 9; Điều 14; các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 15; Điều 17; Điều 18 theo thẩm quyền quy định tại Điều 23 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.  6. Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Công an có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a và điểm b khoản 3, điểm a và điểm c khoản 4, các khoản 5, 6 và 7 Điều 6; khoản 1, điểm b và điểm c khoản 2, điểm a và điểm c khoản 4, điểm d khoản 5, điểm c khoản 8, điểm b và điểm c khoản 9, điểm c và điểm d khoản 13, điểm d và điểm đ khoản 14 Điều 7; khoản 7 và khoản 8 Điều 8; khoản 3 và khoản 4, điểm a và điểm b khoản 6, các khoản 7, 8 và 9 Điều 9; khoản 6 Điều 10; khoản 4 Điều 12; điểm b khoản 5 Điều 13; Điều 14; các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 15; khoản 1, điểm a khoản 2, điểm c khoản 3, điểm k và điểm l khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 16 theo thẩm quyền quy định tại Điều 24 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. | **Điều 25. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch**  1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này.  2. Người có thẩm quyền xử phạt của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này.  3. Thanh tra Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 17 và Điều 18 Nghị định này tại các điểm dừng xe, đỗ xe trên đường bộ, bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, trạm kiểm tra trọng tải xe, trạm thu phí, cơ sở kinh doanh vận tải đường bộ, khi phương tiện (có hành vi vi phạm) dừng, đỗ trên đường bộ.  4. Cục trưởng Cục Quản lý lao động ngoài nước xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 5, điểm d khoản 13 Điều 7; hành vi không có hợp đồng lao động với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch quy định tại điểm d khoản 5, khoản 9 Điều 9 Nghị định này.  5. Cục trưởng Cục Môi trường xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 4 Điều 11; điểm a khoản 5 Điều 13; điểm e khoản 3, các điểm g, h và i khoản 4; điểm b khoản 5 Điều 16 Nghị định này.  6. Quản lý thị trường xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 3, điểm c khoản 4 Điều 6; điểm c khoản 4, điểm d khoản 5, điểm d khoản 9, điểm b khoản 12, điểm a và điểm b khoản 13 và khoản 14 Điều 7; khoản 3 và khoản 6 Điều 8; điểm c khoản 1, các khoản 4, 6 và 7 Điều 10; khoản 1, điểm a khoản 3, điểm h khoản 4 Điều 13 Nghị định này.  7. Bộ đội biên phòng xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 5, 6 và 7 Điều 6; khoản 1 và khoản 4 Điều 7; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5, điểm b và c khoản 6, các khoản 7, 8 và 9 Điều 9; Điều 14; các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 15; Điều 17 và Điều 18 Nghị định này.  8. Cảnh sát biển xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 5, 6 và 7 Điều 6; khoản 1 và khoản 4 Điều 7; Điều 9; Điều 14; các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 15; Điều 17; Điều 18 Nghị định này.  9. Công an nhân dân xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a và điểm b khoản 3, điểm a và điểm c khoản 4, các khoản 5, 6 và 7 Điều 6; khoản 1, điểm b và điểm c khoản 2, điểm a và điểm c khoản 4, điểm d khoản 5, điểm c khoản 8, điểm b, điểm c và điểm d khoản 9, điểm c và điểm d khoản 13, điểm đ khoản 14 Điều 7; khoản 6 và khoản 7 Điều 8; khoản 3 và khoản 4, điểm a và điểm b khoản 6, các khoản 7, 8 và 9 Điều 9; khoản 6 Điều 10; khoản 4 Điều 12; điểm b khoản 5 Điều 13; Điều 14; các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 15; khoản 1, điểm a khoản 2, điểm c khoản 3, điểm k và điểm l khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 16 và Điều 17 Nghị định này.” | Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ phân định thẩm uyền của các chức danh bảo đảm phù ợp với chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực |
| **Điều 26. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính**  1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định từ Điều 19 đến Điều 24 Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. | **Điều 26. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính**  1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định từ Điều 19 đến Điều 24a Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. |  |
| 2. Trưởng đoàn kiểm tra, công chức được giao nhiệm vụ kiểm tra, xác minh về du lịch, kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ được quyền lập biên bản vi phạm hành chính và chuyển hồ sơ vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt theo quy định của pháp luật. | 2. ~~Trưởng đoàn kiểm tra,~~ công chức được giao nhiệm vụ kiểm tra, xác minh về du lịch, kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ được quyền lập biên bản vi phạm hành chính và chuyển hồ sơ vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt theo quy định của pháp luật. | Trưởng đoàn kiểm tra có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Nghị định số 189/2025/NĐ-CP đã được quy định tại khoản 1 Điều này. |
| 3. Chỉ huy tàu bay, trưởng tàu, thuyền trưởng đang thi hành nhiệm vụ theo chức năng, quyền hạn được giao thuộc lĩnh vực du lịch được quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm xảy ra trên tàu bay, trên tàu, trên phương tiện thủy nội địa. | **Giữ nguyên** |  |